

Số: 1319 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 22 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của  
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện;  
Ủy ban nhân dân cấp xã**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ  
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính  
sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng  
quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; đồng thời bãi bỏ:

1. Thủ tục hành chính thứ 13, 14, 15, 16 lĩnh vực Bảo trợ xã hội, mục A danh mục thủ tục hành chính cấp thành phố, thủ tục hành chính thứ 31 lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội, mục B danh mục thủ tục hành chính cấp huyện được công bố tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương



binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân quận, huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Thủ tục hành chính thứ 01, 02, 03 lĩnh vực Bảo trợ xã hội, mục B danh mục thủ tục hành chính cấp huyện được công bố tại Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thủ tục hành chính thứ 01, 02, 03 lĩnh vực Bảo trợ xã hội, mục B danh mục thủ tục hành chính cấp huyện được công bố tại Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố.

4. Thủ tục hành chính thứ 11, 13, 14 được công bố tại Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

5. Thủ tục hành chính thứ 05 được công bố tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */Vme*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VP UBND TP (2,3);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, QN. *70*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Tấn Hiển**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI,  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  
(Kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực Bảo trợ Xã hội</b>					
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	34 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Công tác xã hội; Trung tâm Bảo trợ xã hội)	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Quyết định số 635/QĐ-ĐT BXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định; Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, trường hợp kéo dài quá 10 ngày	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Công tác xã hội; Trung tâm Bảo trợ xã hội)	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Quyết định số 635/QĐ-ĐT BXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

		làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.			
3	Dừng trợ giúp xã hội cấp tỉnh	07 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Công tác xã hội; Trung tâm Bảo trợ xã hội)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</li> <li>- Quyết định số 635/QĐ-ĐTĐBXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> </ul>



## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực Bảo trợ Xã hội</b>					
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp huyện (Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</li> <li>- Quyết định số 635/QĐ-ĐT BXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> </ul>
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	<p>Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định;</p> <p>Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.</p>	Ủy ban nhân dân cấp huyện (Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện)	Không	



3	Dừng trợ giúp xã hội cấp huyện	07 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp huyện (Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện)	Không	
4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
5	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Quyết định số 635/QĐ-ĐT BXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
6	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa	08 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng (do Phòng Lao	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi cư trú cũ và mới của đối tượng)	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;



	các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	động - Thương binh và Xã hội nơi cư trú cũ của đối tượng gửi đến)			- Quyết định số 635/QĐ-ĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
7	Hỗ trợ chi phí mai tang cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	
8	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	
9	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
10	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban	Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện		- Quyết định số 635/QĐ-ĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc

		nhân dân cấp xã)			công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
--	--	------------------	--	--	---



## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực Bảo trợ Xã hội</b>					
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</li> <li>- Quyết định số 635/QĐ-ĐT BXH ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> </ul>